TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2023/DS-PT
Ngày: 27/3/2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi và vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Vân**.
Các Thẩm phán: Ông **Mai Hoàng Khải;**
Ông **Võ Ngọc Giàu.**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Chí Thành**- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà **Phan Thị Thanh Xuân**- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi và vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp T, xã Tân Th, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Lệ K, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp T, xã Tân Th, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Phan Minh H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 22/3/2023)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị Ng, sinh năm: 1960

3.2. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1971

3.3. Ông Trần Thanh Ph, sinh năm: 1985

3.4. Ông Mai Thanh T, sinh năm: 1986

3.5. Ông Lê Quốc H, sinh năm: 1966

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Tân Th, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Lê Thị Lệ K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

-Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:

Tôi làm đầu thảo hụi, bà K tham gia hụi. Bà K góp các dây hụi từ năm 2016 đến tháng 7 năm 2019 thì tôi bị vỡ hụi nên ngưng góp. Thời gian bà K góp hụi, bà K có hốt hụi rồi đóng lại hụi chết nhưng chưa đầy đủ. Đến ngày 07/7/2019, tôi và bà K tính lại tiền hụi bà K nợ. Bà K còn nợ tổng cộng 263.000.000 đồng. Tôi và bà K có làm *giấy nhận nợ* ngày 07/7/2019. Bà K ký tên vào *giấy nhận nợ* ngày 07/7/2019. Khi làm *giấy nhận nợ*, có ông Nguyễn Văn A là trưởng ấp T chứng kiến. Sau khi bà K viết *giấy nhận nợ*, tôi và bà K có thoản thuận hàng tháng bà K trả cho tôi 6.000.000 đồng nhưng không đưa tiền cho tôi mà đưa trực tiếp cho các hụi viên tôi đang nợ họ, cụ thể như sau: Trả cho ông Nguyễn Văn Ph mỗi tháng 1.500.000 đồng, bà K có trả được 25.500.000 đồng; trả cho ông Mai Thanh T mỗi tháng 1.500.000 đồng. Bà K có trả được 21.500.000 đồng. Sau khi trả cho ông Ph và ông T xong thì bà K tiếp tục trả cho bà Phan Thị Ng mỗi tháng 3.000.000 đồng. Bà K có trả được 36.000.000 đồng; trả cho ông Trần Thanh Ph bốn lần 1.000.000 đồng và 01 lần 1.500.000 đồng, bà K có trả được 5.500.000 đồng; trả cho ông Lê Quốc H một lần 1.600.000 đồng và 01 lần 400.000 đồng, bà K có trả được 2.000.000 đồng. Tổng cộng, bà K trả được 90.500.000 đồng nên bà K còn nợ tôi 172.500.000 đồng. Ngày 14/02/2021, bà K có viết lại *giấy nhận nợ* có thiếu tôi 172.500.000 đồng. Đến ngày 30/5/2019, bà K có viết giấy đã trả cho tôi đến ngày 10/4/2021 với số tiền là 90.500.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng đầu năm 2019, bà K có *cầm* cho tôi phần đất vườn (trồng dừa) với số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 07/7/2019, tôi và bà K thoả thuận: Tôi trả lại đất cho bà K và chuyển số tiền 50.000.000 đồng *cầm đất* thành tiền vay và thoả thuận bà K trả lãi hàng tháng 300.000 đồng. Bà K đồng ý và có ký tên vào biên nhận ngày 07/7/2019. Sau khi thoả thuận chuyển 50.000.000 đồng thành tiền vay, bà K có trả lãi đến tháng 01/ 2021 thì ngưng, chưa trả 50.000.000 đồng.

Tổng cộng bà K nợ tiền hụi, tiền vay là 222.500.000 đồng. Nay yêu cầu bà K trả 50.000.000 đồng Ny khi án có hiệu lực pháp luật, còn lại cho trả mỗi tháng 10.000.000 đồng.

-Bị đơn* bà Lê Thị Lệ K *trình bày:

Tôi có tham gia góp hụi do bà N làm đầu thảo. Cụ thể số dây hụi, ngày mở hụi, số tiền hốt hụi, số tiền tôi đã góp cho bà N,… tôi không nhớ. Tôi có ký tên vào *giấy nhận nợ* ngày 07/7/2019 tôi còn nợ bà N 263.000.000 đồng. Sau đó tôi đó có trả tiền cho bà N được 90.500.000 đồng nhưng trả qua ông Nguyễn Văn Ph, ông Mai Thanh T, bà Phan Thị Ng, ông Trần Thanh Phvà ông Lê Quốc H. Ngày

17/02/2021, bà N kêu tôi ký tên vào *giấy nhận nợ* ngày 17/02/2021 nên tôi còn nợ bà N 172.500.000 đồng. Năm 2019, tôi có *cầm* đất vườn cho bà N với số tiền 50.000.000 đồng. Tôi cầm đất để lấy tiền trả bớt nợ hụi cho bà N. Đến ngày 07/7/2019, bà N có làm giấy trả lại đất cho tôi và thỏa thuận hàng tháng tôi trả tiền lãi cho bà N là 300.000 đồng. Tôi có ký tên vào biên nhận ngày 07/7/2019. Sau ngày 07/7/2019, tôi có trả lãi đến đầu năm 2021 thì ngưng, chưa trả 50.000.000 đồng.

Nay tôi đồng ý còn nợ bà N tiền hụi là 172.500.000 đồng, tiền vay 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 222.500.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn nên xin trả hàng tháng 1.000.000 đồng.

-Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị Ng trình bày: Tôi có tham gia góp hụi do bà N làm đầu thảo. Đến tháng 5/2019 bà N vỡ hụi và còn nợ tôi 39.000.000 đồng. Bà N trả cho tôi được 3.000.000 đồng và thoả thuận số tiền còn lại là 36.000.000 đồng bà Lê Thị Lệ K sẽ trả cho tôi hàng tháng thay cho bà N. Sau khi thoả thuận, bà K có trả nhưng không đầy đủ như thỏa thuận nên bà N có trả tiếp. Tổng cộng, bà N và bà K cùng trả được 36.000.000 đồng nhưng riêng bà K trả bao nhiêu tôi không nhớ.

-Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan,ông Nguyễn Văn Ph trình bày: Tôi có tham gia góp hụi do bà N làm đầu thảo. Tôi hốt hụi được 25.500.000 đồng nhưng bà N chưa giao tiền cho tôi thì ngưng góp hụi. Tôi và bà N có thoả thuận là bà Lê Thị Lệ K sẽ trả cho tôi thay cho bà N. Sau khi thoả thuận, N và bà K cùng trả cho tôi được tổng cộng 25.500.000 đồng. Riêng bà K trả bao nhiêu tôi không nhớ.

-Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Trần Thanh Ph trình bày*:* Tôi có tham gia góp hụi do bà N làm đầu thảo. Tôi chưa hốt hụi thì bà N vỡ hụi nên ngưng góp. Bà N còn nợ tôi 25.500.000 đồng. Tôi và bà N có thoả thuận bà Lê Thị Lệ K sẽ trả tiền cho tôi thay cho bà N. Sau khi thoả thuận, bà K có trả cho tôi được tổng cộng 5.500.000 đồng.

-Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Mai Thanh T trình bày: Tôi có tham gia góp hụi do bà N làm đầu thảo. Tôi chưa hốt hụi thì bà N vỡ hụi nên ngưng góp. Bà N còn nợ tôi 25.500.000 đồng. Tôi và bà N có thoả thuận bà Lê Thị Lệ K sẽ trả tiền cho tôi thay cho bà N. Sau khi thoả thuận, bà N và bà K cùng trả cho tôi được tổng cộng 21.500.000 đồng nên còn nợ lại 4.000.000 đồng. Riêng bà K trả bao nhiêu tôi không nhớ.

-Tại biên bản lấy lời khia Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Lê Quốc H trình bày: Tôi có tham gia góp hụi do bà N làm đầu thảo. Đến tháng 5/2019, bà N vỡ hụi và còn nợ tôi 18.000.000 đồng. Tôi và bà N có thoả thuận bà Lê Thị Lệ K sẽ trả tiền cho tôi thay cho bà N. Tuy nhiên, bà K chỉ trả cho tôi được 2 lần là 2.000.000 đồng (1 lần 1.600.000 đồng và 01 lần 400.000 đồng), rồi ngưng.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số**: 90/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N.

- Buộc bà Lê Thị Lệ K có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền vay, tiền hụi còn nợ tổng cộng là 222.500.000đ (*hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn*) đồng. Thời gian trả làm như sau:

+ Trả 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Số còn lại là 172.500.000 (*một trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn*) đồng, mỗi tháng trả 10.000.000 (*mười triệu)* đồng; thực hiện lần đầu sau khi án có hiệu lực pháp luật, 1 tháng.

- Đến hạn trả tiền, nếu bà Lê Thị Lệ K không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06 tháng 10 năm 2022, bị đơn Lê Thị Lệ K kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận số nợ là 90.500.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Lê Thị Lệ K trả 222.500.000 đồng tiền nợ hụi và tiền vay.

-Người kháng cáo bà Lê Thị Lệ K giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bà trả số nợ là 90.500.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, tại phiên tòa người kháng cáo bà Lê Thị Lệ K không có cung cấp thêm chứng cứ nào mới để xem xét. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Ng, Nguyễn Văn Ph, Trần Thanh P, Mai Thanh T, Lê Quốc Hvắng mặt tuy nhiên việc xét kháng cáo không liên quan gì đến những người này nên HĐXX quyết định xét xử theo quy định tại Điều 294 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Lệ K trả 222.500.000 đồng tiền nợ hụi và vay nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và vay tài sản" là có căn cứ đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn Bà Huỳnh Thị N với bị đơn bà Lê Thị Lệ K là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 BLTTDS.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Lệ K là đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Lệ K Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:

- Tại tờ nhận nợ ngày 07/7/2019 có sự chứng kiến của trưởng ấp Nguyễn Văn A, bà K xác nhận còn nợ bà N 263.000.000 đồng tiền nợ hụi (bl 08).

- Tại tờ xác nhận do bà N nộp có nội dung "ngày 30/5/2019 chị Lê Thị Lệ K 1964 đóng hụi cho bà Huỳnh Thị N 1971 tổng số tiền tới ngày 10/4/2021 là chín mươi triệu năm trăm" (bl 06).

- Tại tờ nhận nợ ngày 14/02/2021 có sự chứng kiến của trưởng ấp Nguyễn Văn A bà K xác nhận còn nợ bà N 172.500.000 đồng tiền nợ hụi (bl 09).

- Tại tờ cầm đất vườn ngày 20/02/2019 bà K xác nhận có cầm cho bà N 05 công vườn dừa để vay 50.000.000 đồng (bl 48).

- Tại biên bản hòa giải ngày 15/8/2022 bà K xác định các tờ giấy kết nợ, trả nợ đều do bà N viết và kêu bà đến nhà ông Thành (phó trưởng ấp) ký nhận.

Nhận thấy, việc các bên nhận nợ, trả nợ đều có thể hiện lại bằng giấy tay có sự chứng kiến của ông A (trưởng ấp) hoặc ông T (phó trưởng ấp) và phù hợp lời khai nhận của những hụi viên được bà K trả tiền nên cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ cần giữ nguyên. Bà K kháng cáo mà không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào để xem xét nên không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[7] Về án phí: bà Lê Thị Lệ K phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 26, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Lệ K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N.

- Buộc bà Lê Thị Lệ K có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền vay, tiền hụi còn nợ tổng cộng là 222.500.000 đồng (*hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian trả như sau:

+ Trả 50.000.000 (*năm mươi triệu)* đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Số còn lại là 172.500.000 (*một trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn*) đồng, mỗi tháng trả 10.000.000 (*mười triệu*) đồng; thực hiện lần đầu sau khi án có hiệu lực pháp luật 01 tháng.

- Đến hạn trả tiền, nếu bà Lê Thị Lệ K không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: bà K phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0008304 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T tỉnh Tiền Giang. Bà K đã nộp xong án phí phúc thẩm. Bà Lê Thị Lệ K còn phải nộp 11.125.000 (*mười một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.562.500 (*năm triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm*) đồng, theo biên lai số 0008159, ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vân